

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN HẢI  
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ- ST  
Ngày: 10/01/2025  
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Bùi Hải Triều.
  2. Bà Đặng Thị Hòa.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 137/2024/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXX- ST ngày 13/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn H, sinh ngày 20/6/1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị V

vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Phạm Thị V trình bày:* Chị V và anh H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 10/7/2001. Sau khi kết hôn, chị V và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2022 cho đến nay chị V và anh H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị V được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị V và anh H có 03 con chung là Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 03/01/2003, Đoàn Văn H1, sinh ngày 20/01/2008 và Đoàn Tiến V1, sinh ngày 14/10/2017. Con Đoàn Ngọc Á đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay 02 con chung Đoàn Văn H1 và Đoàn Tiến V1 sống cùng chị V. Sau khi ly hôn chị V xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đoàn Văn H1 và Đoàn Tiến V1, chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị V.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2024, bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh Đoàn Văn H trình bày: Anh H và chị V kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình năm 2001. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V và anh H đều có quan hệ với người khác, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Hiện tại chị V và anh H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quan điểm của bà C đồng ý để chị V và anh H ly hôn. Về con chung: Anh H và chị V có 03 con chung là Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 03/01/2003, Đoàn Văn H1, sinh ngày 20/01/2008 và Đoàn Tiến V1, sinh ngày 14/10/2017. Cháu Á đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn 02 cháu H1 và V1 sống cùng chị V, quan điểm của bà C cũng đồng ý để cháu H1 và cháu V1 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị V và anh H có tài sản chung là nhà và đất tại thôn Q, xã N. Về nợ: Bà C không nắm được cụ thể. Anh H đi làm ở Lào Cai nhưng vẫn liên lạc về cho gia đình. Bà C nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao lại cho anh H.

Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2024, Ủy ban nhân xã N, huyện T cung cấp như sau: Chị Phạm Thị V và anh Đoàn Văn H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 10/7/2001. Sau khi kết hôn, chị V và anh H sinh S tại thôn Q, xã N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên đánh chửi nhau. Về con chung: Chị V và anh H có 03 con chung là Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 03/01/2003, Đoàn Văn H1, sinh ngày 20/01/2008 và Đoàn Tiến V1, sinh ngày 14/10/2017. Cháu Á đã trưởng thành, còn hai cháu H1 và V1 sống cùng chị V. Về tài sản chung, công nợ: Chị V và anh H có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái bằng và diện tích đất tại thôn Q, xã N, về nợ chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Anh Đoàn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện T. Anh H hiện đi làm trên Lào Cai nhưng thi thoảng vẫn về nhà tại thôn Q, xã N. Quan điểm của chính quyền địa

phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị V và anh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Đoàn Văn H; về con chung: Giao 02 con chung Đoàn Văn H1, sinh ngày 20/01/2008 và Đoàn Tiến V1, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]. Về tố tụng:** Bị đơn là anh Đoàn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Phạm Thị V và anh Đoàn Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2]. Về nội dung:**

**[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị V và anh Đoàn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 10/7/2001. Tại thời điểm kết hôn, chị V và anh H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị V và anh H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát

sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2022 cho đến nay chị V và anh H không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là anh H đã được Tòa án giao, gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì về việc chị V xin ly hôn anh H. Như vậy, hôn nhân của chị V và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giải quyết cho chị V được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Chị V và anh H có 03 con chung là Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 03/01/2003, Đoàn Văn H1, sinh ngày 20/01/2008 và Đoàn Tiến V1, sinh ngày 14/10/2017. Con Đoàn Ngọc Á đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn chị V xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Xét thấy, từ khi chị V và anh H không chung sống cùng nhau cho đến nay, 02 con chung của chị V và anh H là cháu H1 và cháu V1 sống cùng chị V, cháu H1 và cháu V1 đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Mặt khác, anh H hiện tại không có mặt tại Tòa án và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Đoàn Văn H1 và Đoàn Tiến V1. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không giải quyết. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Đoàn Văn H.

2/ Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Đoàn Văn H1, sinh ngày 20/01/2008 và Đoàn Tiến V1, sinh ngày 14/10/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Anh Đoàn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002751 ngày 02/10/2024.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
(ĐÃ KÝ)**

**Chu Thị Linh**